

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA ĐIỀU DƯỠNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	DUỢC LÝ DUỢC LÂM SÀNG		
Mã học phần:	233_71NURP30123	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	233_71NURP30123_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

Cách thức nộp bài phân tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu):

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng những kiến thức dược lý cơ bản về thuốc/các nhóm thuốc để giải quyết các tình huống lâm sàng mô phỏng.	Trắc nghiệm	30%	1-30	3	PI 1.2
CLO3	Phân biệt được các dạng bào chế, các đường đưa thuốc và cách sử dụng, các sai sót trong sử dụng thuốc.	Trắc nghiệm	40%	31-50	4	PI 3.1
CLO4	Hướng dẫn sử dụng thuốc phù hợp theo từng tình huống lâm sàng và hoàn thiện báo cáo phản ứng có hại của thuốc.	Tự luận	30%	51-65	3	PI 5.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Phân loại sai sót trong sử dụng thuốc bao gồm: sai sót khi kê đơn, sai sót khi, sai sót khi cấp phát thuốc và sai sót khi sử dụng thuốc.

- A. Sao chép y lệnh
- B. Theo dõi sau dùng thuốc
- C. Phân phối
- D. Sản xuất

ANSWER: A

Đường dùng thường xảy ra sai sót khi sử dụng thuốc là

- A. Tiêm
- B. Uống
- C. Đặt trực tràng
- D. Phun khí dung

ANSWER: A

Hai lĩnh vực cơ bản của dược lý học là Dược động học và

- A. Dược lực học
- B. Dược trị liệu
- C. Dược lâm sàng
- D. Sinh dược học

ANSWER: A

Dạng phân bố nào của thuốc có tác dụng dược lý (tác động điều trị):

- A. Thuốc ở dạng tự do
- B. Thuốc - globulin
- C. Thuốc - protein
- D. Thuốc ở dạng liên kết

ANSWER: A

Quá trình tác động của thuốc lên cơ thể được gọi là:

- A. Dược lực học
- B. Dược động học
- C. Dược trị liệu
- D. Dược liệu

ANSWER: A

ADR (Adverse Drug Reaction) là:

- A. Phản ứng có hại của thuốc
- B. Tác dụng phụ của thuốc
- C. Sai sót trong dùng thuốc
- D. Dị ứng thuốc

ANSWER: A

Tỉ lệ nguy cơ bị ADR (Adverse Drug Reaction) theo giới tính là

- A. Nữ có nguy cơ cao hơn nam
- B. Nam có nguy cơ cao hơn nữ

- C. Không phụ thuộc giới tính
- D. Nguy cơ tương đương nhau

ANSWER: A

Người bệnh Lâm Văn P. Được kê đơn canxi gluconat viên sủi, trong quá trình tư vấn, được biết người bệnh trước đó có tiền sử loét dạ dày, trong trường hợp này bạn sẽ:

- A. Báo lại với bác sĩ kê đơn để thay thuốc
- B. Vẫn phát thuốc cho người bệnh
- C. Cấp thêm thuốc bao vết loét cho người bệnh
- D. Giảm liều thuốc cho người bệnh

Nguồn thông tin thuốc để tra cứu tác dụng phụ của thuốc

- A. Dược thư quốc gia Việt Nam
- B. Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định
- C. Dược điển Việt Nam
- D. Drug Interaction

ANSWER: A

Nguồn thông tin thuốc chia cấp:

- A. 3
- B. 2
- C. 4
- D. 5

Xét nghiệm chẩn đoán thiếu máu

- A. Hct (dung tích hồng cầu), Hb (nồng độ hemoglobin)
- B. MCV (thể tích trung bình hồng cầu)
- C. MCHC (số lượng hemoglobin trung bình trong 1 hồng cầu)
- D. MCH (nồng độ hemoglobin trung bình trong 1 hồng cầu)

ANSWER: A

Đặc điểm của thiếu máu do thiếu sắt là

- A. Thiếu máu nhược sắt, hồng cầu nhỏ
- B. Thiếu máu đẳng sắc, hồng cầu bình thường
- C. Thiếu máu hồng cầu to
- D. Thiếu máu hồng cầu nhỏ

ANSWER: A

Thuốc điều trị thiếu máu do thiếu vitamin B12 là

- A. Cyanocobalamin
- B. Sắt
- C. Acid folic
- D. Truyền máu

ANSWER: A

Dung dịch có tác dụng bù nước và điện giải là

- A. NaCl 0,9%
- B. Gelatin đã biến chất
- C. Dextran
- D. Acid amin

ANSWER: A

Thuốc có tác dụng chống đông máu

- A. Heparin
- B. Albumin
- C. Vitamin K
- D. Thrombin

ANSWER: A

Cơ chế tương tác thuốc giữa Ca^{++} với Fluoroquinolon, Rifampicin là:

- A. Tương tác do tạo phức chelat
- B. Tương tác do tăng tốc độ làm rỗng dạ dày
- C. Tương tác do tăng nhu động ruột
- D. Tương tác do thay đổi hệ vi khuẩn đường ruột

ANSWER: A

Tương tác giữa Trimethoprim – Sulfonamid là tương tác dược lực học loại:

- A. Hiệp lực bội tăng $2+2=5$
- B. Hiệp lực bổ sung
- C. Đối kháng
- D. Hiệp lực bội tăng $0+2=5$

ANSWER: A

Chất ức chế enzyme sẽ làm giảm hoặc mất tác dụng (hiệu lực) của thuốc

- A. Thức ăn nướng
- B. Dịch nước bưởi chùm
- C. Ketoconazol
- D. Cimetidin

ANSWER: A

Tương kỵ nào là tương kỵ hóa học

- A. Thủy phân
- B. Tạo khí
- C. Thay đổi pH
- D. Hấp thụ

ANSWER: A

Phần mềm tra cứu tương kỵ thuốc trực tuyến là:

- A. Stabilis

- B. Medscape**
 - C. Drugs.com**
 - D. AHFS**
- ANSWER: A

Thuốc trị tăng huyết áp sử dụng được ở phụ nữ có thai là:

- A. Methyldopa**
- B. Clonidin**
- C. Nadolol**
- D. Prazosin**

ANSWER: A

Ưu điểm của đa trị liệu trong điều trị tăng huyết áp

- A. Tăng hiệu lực kiểm soát**
- B. Tuân thủ cao**
- C. Dễ mất hiệu lực**
- D. Ít tác dụng bất lợi**

ANSWER: A

Ngoài chỉ định tăng huyết áp, Propranolol còn được dùng trong trường hợp:

- A. Đau thắt ngực**
- B. Suy tim**
- C. Phì đại tuyến tiền liệt lành tính**
- D. Suy tim**

ANSWER: A

Biến chứng của tăng huyết áp trên 5 cơ quan đích là

- A. Mạch máu, não, tim, thận, mắt**
- B. Não, tim, gan, thận, mắt**
- C. Mạch máu, phổi, tim, thận, dạ dày**
- D. Gan, thận, phổi, thần kinh, ruột**

ANSWER: A

Chọn phát biểu đúng về các yếu tố nguy cơ gây tăng huyết áp

- A. Tiền sử gia đình**
- B. Bệnh gan**
- C. Chế độ ăn ít chất béo bão hoà**
- D. Chế độ ăn ít muối (Natri)**

ANSWER: A

Kháng sinh có độc tính trên thận và thính giác là:

- A. Gentamicin**
- B. Spiramycin**
- C. Tetracyclin**
- D. Cefuroxim**

ANSWER: A

Kháng sinh có tác dụng phụ gây viêm ruột kết màng giả

- A. Lincomycin
- B. Vancomycin
- C. Minocyclin
- D. Amoxicillin

ANSWER: A

Ampicillin thuộc nhóm kháng sinh nào

- A. β -lactam
- B. Macrolid
- C. Phenicol
- D. Cyclin

ANSWER: A

Kháng sinh nào chống chỉ định ở trẻ em dưới 8 tuổi do gây hỏng men răng, vàng răng

- A. Tetracyclin
- B. Cloramphenicol
- C. Moxifloxacin
- D. Ampicillin

Định nghĩa sau là về nhóm thuốc nào: "..... là những chất có nguồn gốc vi sinh vật, được bán tổng hợp hoặc tổng hợp hoá học. Liều thấp có tác dụng kìm hãm hoặc tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh"

- A. Kháng sinh
- B. Kháng nấm
- C. Kháng virus
- D. Kháng viêm

ANSWER: A

Glucocorticoid là hormon do tuyến nào tiết ra

- A. Tuyến thượng thận
- B. Tuyến yên
- C. Vùng dưới đồi
- D. Tuyến giáp

ANSWER: A

Về nhịp bài tiết ngày đêm, cortisol trong máu đạt mức cao nhất vào

- A. 8 giờ sáng
- B. 4 giờ sáng
- C. 6 giờ chiều
- D. 12 giờ đêm

ANSWER: A

Cách sử dụng glucocorticoid để giảm tác dụng phụ trên dạ dày

- A. Uống sau ăn no
- B. Uống vào buổi sáng

- C. Uống cách ngày
- D. Chia nhỏ liều trong ngày

ANSWER: A

Thuốc nào sau đây thuộc nhóm NSAID (kháng viêm không steroid)

- A. Diclofenac
- B. Prednisolon
- C. Omeprazol
- D. Salbutamol

ANSWER: A

Tác dụng phụ của NSAID chủ yếu trên cơ quan nào

- A. Dạ dày, tim mạch
- B. Dạ dày, gan
- C. Gan, thận
- D. Thận, não

ANSWER: A

Amoxicillin không bị ảnh hưởng bởi thức ăn nên uống vào thời điểm nào

- A. Trước hay sau ăn đều được
- B. Sau ăn 30 phút
- C. Trước ăn 30 phút
- D. 6-8 giờ sáng

ANSWER: A

So sánh liều thuốc khi dùng đường tiêm tĩnh mạch so với đường uống

- A. Thấp hơn
- B. Cao hơn
- C. Tương đương
- D. Tùy hoạt chất

ANSWER: A

Thứ tự khi sử dụng bình xịt salbutamol và beclomethason

- A. Sử dụng salbutamol trước
- B. Sử dụng beclomethason trước
- C. Sử dụng cùng lúc
- D. Không nên phối hợp

ANSWER: A

Ưu điểm của đường đặt trực tràng là

- A. Thích hợp cho người không uống được thuốc
- B. Sinh khả dụng thất thường
- C. Khó bảo quản
- D. Giá thành đắt

ANSWER: A

Ông Hải đang được điều trị bằng propranolol 60 mg uống cách 6 giờ/lần để phòng đau thắt ngực. Sau mổ ông phải nhịn ăn uống một thời gian. Cách nào để phòng cơn đau thắt ngực cho ông Hải

- A. Dự phòng bằng propranolol đường tiêm tĩnh mạch
- B. Dùng aspirin
- C. Tiếp tục điều trị bằng propranolol đường uống
- D. Không cần dùng thuốc

ANSWER: A

Một trong các yếu tố gây loét dạ dày

- A. Pepsin
- B. Chất nhày
- C. Lưu lượng máu
- D. Prostaglandin

ANSWER: A

Thuốc thuộc nhóm ức chế bơm proton (PPI)

- A. Omeprazol
- B. Cimetidin
- C. Al(OH)₃
- D. Amoxicillin

ANSWER: A

Thời điểm uống rabeprazol tốt nhất

- A. Trước ăn 30 phút
- B. Trước khi đi ngủ
- C. Sau ăn 30 phút
- D. Cùng với bữa ăn

ANSWER: A

Chọn ý đúng nhất về triệu chứng lâm sàng của loét dạ dày tá tràng

- A. Đau thượng vị
- B. Ợ hơi, ợ chua
- C. Đau khi đói hoặc ban đêm (loét dạ dày)
- D. Đau sau ăn (loét tá tràng)

ANSWER: A

Xét nghiệm được xem là tiêu chuẩn vàng để tìm *H.pylori*

- A. Giải phẫu bệnh
- B. Test hơi thở
- C. CLO test
- D. Test huyết thanh

ANSWER: A

Thuốc kháng histamin duy nhất dùng trong hen suyễn

- A. Ketotifen
- B. Montelukast
- C. Theophyllin

D. Salbutamol

ANSWER: A

Thuốc dùng để cắt cơn trong hen suyễn là:

- A. Albuterol
- B. Bambuterol
- C. Formoterol
- D. Salmeterol

ANSWER: A

Nguyên tắc điều trị hen suyễn là dùng thuốc kháng viêm và

- A. Giãn phế quản
- B. Cách ly dị nguyên
- C. Bảo vệ tế bào mast
- D. Kháng chất trung gian hoá học

ANSWER: A

Kết hợp thuốc tốt nhất (hiệu quả nhất) trong điều trị hen suyễn

- A. Chủ vận B₂ adrenergic + corticoid
- B. Chủ vận B₂ adrenergic + theophyllin
- C. Chủ vận B₂ adrenergic + kháng cholin
- D. Chủ vận B₂ adrenergic + cromolyn

ANSWER: A

Khắc phục tác dụng phụ của thuốc kháng viêm glucocorticoid có tác dụng tại chỗ (xịt) trong điều trị hen suyễn là

- A. Chọn ống bơm thuốc có kèm thiết bị phụ (buồng đệm)
- B. Uống vào buổi sáng từ 6-8 giờ
- C. Uống sau ăn no
- D. Uống cách ngày

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 51. Người bệnh A đang dùng thuốc giảm đau Voltaren (diclofenac 50 mg) dạng viên bao phim để trị đau đầu. Biệt dược của thuốc trên là.....

Câu 52. Cách dùng của dạng bào chế: Hoà tan vào 100-200 ml nước đun sôi để nguội, uống ngay sau khi tan hoàn toàn.

Câu 53. Bệnh nhân Lại Thị H., được kê đơn Tetracyclin uống, hiện tại bệnh nhân đang bổ sung chế phẩm Canxi gluconat để điều trị loãng xương, trong trường hợp này, bệnh nhân nên

Câu 54. Khi sử dụng kháng sinh cefuroxim thì cần lưu ý

Câu 55. Mỗi lần uống paracetamol để giảm đau, hạ sốt thì nên cách nhau ít nhấtgiờ (Khoảng cách giữa 2 liều).

- Câu 56. Hydrocortison (glucocorticoid) dùng đường để điều trị dị ứng, sốc phản vệ.
- Câu 57. Tetracyclin gây hỏng men răng, vàng răng nên chống chỉ định cho trẻ em dưới tuổi.
- Câu 58. Kể tên 1 nguồn tài liệu (thông tin thuốc) có thể tra cứu tương tác thuốc:
- Câu 59. Chống chỉ định dùng các thuốc chẹn beta (β -blocker) không chọn lọc như propranolol trên bệnh nhân hen phế quản đang sử dụng theophyllin.
Cách xử trí trong trường hợp này là
- Câu 60. Kể 3 ưu điểm của salbutamol đường xông hít so với đường uống trong điều trị hen suyễn là....., hiệu quả,
- Câu 61. Phối hợp 3 thuốc OAC trong điều trị loét dạ dày nhiễm *H.pylori* là omeprazol,, clarithromycin.
- Câu 62. Kể tên 1 thuốc lợi tiểu trong điều trị tăng huyết áp:
- Câu 63. Thuốc hạ huyết áp có tác dụng phụ là ho khan, phù mạch (hầu, họng, thanh quản) là
- Câu 64. Đường dùng ưu tiên của các thuốc trong điều trị hen suyễn là
- Câu 65. Kể tên 1 thuốc trị tăng huyết áp dùng được cho phụ nữ có thai là
-

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm: 50 câu		7.0	
Nhóm câu hỏi			
Câu 1 – 30		3.0	
Câu 31 – 50		4.0	
II. Tự luận: 15 câu		3.0	
Câu 51	Voltaren	0.2	
Câu 52	Viên sủi	0.2	
Câu 53	Uống Tetracyclin trước, 2h sau uống canxi hoặc uống cách xa 2 giờ	0.2	
Câu 54	Uống lúc đói tăng hấp thu nhưng lại gây kích ứng ruột	0.2	
Câu 55	4	0.2	
Câu 56	Tiêm	0.2	
Câu 57	8	0.2	
Câu 58	Dược thư quốc gia Việt Nam/Tương tác thuốc và lưu ý khi chỉ định...	0.2	
Câu 59	Ngưng propranolol/thay propranolol bằng atenolol/thay propranolol bằng thuốc khác	0.2	
Câu 60	Nhanh, ít tác dụng phụ	0.2	
Câu 61	Amoxicillin	0.2	
Câu 62	Hydrochlorothiazid, furosemid,....	0.2	
Câu 63	Captopril, enalapril, lisinopril,.....	0.2	
Câu 64	Xông hít/xịt	0.2	
Câu 65	Methyldopa/Hydralazin	0.2	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

Lý Thị Phương Hoa

ThS. Huỳnh Nguyễn Thùy Trang